

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 21/04/ 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Hải

2. Ông Hà Văn Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:

Bà Nhữ Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13 ngày 31 tháng 03 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N ; Sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn S , xã Đ H , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T ; Sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn S , xã Đ H , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án chị Hà Thị N trình bày: Chị Hà Thị N và anh Bùi Văn T tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau năm 2009. Anh chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán Nhưng đăng ký kết hôn muộn, tự nguyện đi đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2013 tại UBND xã Điền Hạ. Sau khi lấy nhau sống bình thường đến năm 2020 vợ chồng

mâu thuẫn gay gắt do anh T ham chơi, cờ bạc không chịu làm ăn. Và không tin tưởng vợ con nghi ngờ vô cớ đánh đập chị N. Chị N đã cố gắng chịu đựng nhưng không thể chung sống được nữa. Chị N cảm thấy tổn thương và không còn tình cảm gì với anh T. Từ tháng 6 năm 2022 là vợ chồng ly thân cắt đứt mọi quan hệ. Hiện nay chị N không có thai và không có con riêng với ai. Chị N tha thiết xin ly hôn với anh Thành.

Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Nhật M, sinh ngày 29/11/2010 và cháu Bùi Thị Ánh N, sinh ngày 16/3/2017. Hiện nay cháu M đang học lớp 7 ở xã Điện Hạ sống cùng bà và chú Thím. Anh T thường đi làm xa không chăm sóc được cháu, còn cháu N về bên ngoại ở cùng chị N. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng thiết tha xin được nuôi dưỡng cả hai con không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hiện nay anh Bùi Văn T đang quản lý sử dụng chị N chưa yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Về án phí. Chị N thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T trình bày trong bản tự khai là anh và chị N tự do tìm hiểu tự nguyện lấy nhau. Có tổ chức cưới theo phong tục tập quán năm 2009 và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 19/09/2013.

Vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3 năm 2022 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N đi làm ăn ngoài Bắc N rồi vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 03 năm 2022 đến nay. Sau khi ly thân chị N không quan tâm đến anh T và gia đình.

Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Bùi Nhật M, sinh ngày 29/11/2010 và cháu Bùi Thị Ánh N, sinh ngày 16/3/2017. Hiện nay cháu M đang học lớp 7 ở xã Điện Hạ với anh T còn cháu Nguyệt về bên ngoại ở cùng chị N nếu ly hôn thì anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung.

Cháu Bùi Nhật M, sinh ngày 29/11/2010 có bản tự khai có nguyện vọng được về ở với mẹ và em. Cháu M trình bày hiện nay cháu đang ở với bà Nội và chú T bố đi làm ở đâu cháu không biết. Gần đây cháu có vi phạm nội quy, kỷ luật của Nhà trường, có đánh nhau với bạn. Do cháu không tập trung khi học và khi bị bạn trêu nên cháu đánh. Cháu nhớ mẹ và em cháu muốn về ở cùng mẹ và em.

Xác minh tại địa phương anh T là lao động tự do gửi con cho em trai và em dâu đi làm không có địa chỉ cụ thể và không ổn định.

Tại phiên tòa: Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T và tha thiết xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản: Toàn bộ tài sản chung anh T đang quản lý chị Nhập chưa yêu cầu giải quyết.

Anh Bùi Văn T sau khi làm bản tự khai, được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tham gia hòa giải và không đến phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS. Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Hà Thị N ly hôn anh Bùi Văn T. Giao cháu Bùi Nhật M, sinh ngày 29/11/2010 và cháu Bùi Thị Ánh N, sinh ngày 16/3/2017 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chị N chưa yêu cầu giải quyết đề nghị HĐXX không xem xét. Về nợ chung chị N trình bày không có. Về án phí chị Hà Thị N thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí đề nghị HĐXX miễn án phí ly hôn cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Chị Hà Thị N và anh Bùi Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3] Tình trạng hôn nhân: Mâu thuẫn giữa chị Hà Thị N và anh Bùi Văn T đã đến mức trầm trọng. Cuộc sống chung không còn tồn tại, mỗi người một nơi không chung mục đích. Tuy anh T không muốn ly hôn nhưng lại không đến tham gia hòa giải và đi làm ăn dẫu địa chỉ. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ vẫn không đến phiên tòa. Như vậy HĐXX xét thấy tuy không đồng ý ly hôn nhưng bỏ nhau không thiết tha hòa giải để đoàn tụ. Nay chị Hà Thị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và thiết tha xin ly hôn. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị N và xử cho chị Hà Thị N ly hôn anh Bùi Văn T.

[4] *Về con chung.* HĐXX căn cứ các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Giao 02 con chung là Bùi Nhật Minh, sinh ngày 29/11/2010 và cháu Bùi Thị Ánh N , sinh ngày 16/3/2017 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5].*Về án phí:* Chị Hà Thị N thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định quy định. HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; 15 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Nhập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị N . Xử cho chị Hà Thị N ly hôn anh Bùi Văn T .

3. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Bùi Nhật M , sinh ngày 29/11/2010 và cháu Bùi Thị Ánh N , sinh ngày 16/3/2017 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hà Thị N .

5. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt chị N , vắng mặt anh Thành. Chị Hà Thị N có quyền kháng cáo án sơ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
THA dân sự huyện Bá Thước
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên